

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ GÓP PHẦN BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Nguyễn Ngọc Chí (*)

“Nhân quyền là ngôn ngữ chung của nhân loại” - Đó lời của Ông Tổng thư ký liên hợp quốc Boutros Gahali ở Hội nghị quốc tế về nhân quyền vào tháng 6- 1993 tại Vienna. Câu nói này hàm chứa một khẳng định: “Nhân quyền là một giá trị nhân văn và tiến bộ gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người, trở thành tiếng nói cho tự do, bình đẳng và công bằng xã hội” [3], là kết quả của quá trình đấu tranh bền bỉ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới và cũng là thước đo mức độ văn minh, tiến bộ ở mỗi quốc gia.

Tôn trọng và bảo vệ quyền con người luôn là mục tiêu mà Đảng và Nhà nước ta hướng tới, trong đó chú trọng tới việc xây dựng hệ thống pháp luật, tạo ra thiết chế đủ mạnh để thực thi và bảo vệ quyền con người.

Pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) có vai trò và ý nghĩa tích cực trong việc bảo vệ quyền con người những năm qua, đặc biệt từ khi đất nước ta thực hiện đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Bộ luật TTHS năm 2003 ra đời đã phản ánh xu hướng đổi mới của hệ thống pháp luật bảo vệ quyền con người theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) Việt Nam, xây dựng xã hội dân sự. Bộ luật

TTHS năm 2003 là cơ sở pháp lý quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền phát hiện nhanh chóng, kịp thời đối với mọi hành vi phạm tội xâm phạm tới các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời quy định chặt chẽ các thủ tục tố tụng hạn chế tới mức tối đa sự lợi dụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng lợi dụng vi phạm quyền con người trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, Bộ luật TTHS năm 2003 cũng tạo ra cơ sở pháp lý để công dân bảo vệ quyền mình trước các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, nhất là đối với bị can, bị cáo khi họ phải đối mặt với lời buộc tội. Cùng với các nỗ lực khác, việc ban hành Bộ luật TTHS năm 2003 đã góp phần làm giảm đáng kể các vụ án oan, sai và nếu có vụ việc oan, sai thì được các Cơ quan TTHS có thẩm quyền giải quyết bồi thường thoả đáng theo tinh thần Nghị quyết 388 của Quốc hội. Những tiến bộ này khẳng định nhân quyền ở Việt Nam ngày càng được cải thiện, cơ chế pháp luật tôn trọng, bảo vệ quyền con người đang phát huy trong đời sống thực tế cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ đã khẳng định thì hiện tượng bỏ lọt tội

(*) TS., Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

phạm, làm oan người vô tội vẫn còn diễn biến phức tạp, quyền con người vẫn còn bị xâm phạm, đôi lúc ở những trường hợp cá biệt là sự xâm phạm nghiêm trọng, gây ra hậu quả vô cùng nặng nề dẫn đến sự thiếu tin tưởng của nhân dân vào hệ thống pháp luật XHCN. Những hậu quả này có nguyên nhân chính là hệ thống pháp luật bảo vệ quyền con người, trong đó có Luật TTHS chưa phù hợp với tình hình tội phạm và thực tiễn đấu tranh phòng ngừa tội phạm của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cũng như chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội và điều kiện hội nhập quốc tế của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Nhận định về nguyên nhân này Nghị quyết 48 của Bộ Chính trị ban hành ngày 24-5-2005 đã chỉ ra: "Hệ thống pháp luật nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào cuộc sống", và do nguyên nhân "là do chưa hoạch định được một chương trình xây dựng luật toàn diện, tổng thể, có tầm nhìn chiến lược...". Pháp luật TTHS cũng đang ở tình trạng này, vì vậy muốn nâng cao hiệu quả của việc bảo vệ quyền con người bằng pháp luật TTHS cần phải tiến hành giải pháp mang tính quyết định là hoàn thiện pháp luật TTHS theo hướng khắc phục những hạn chế mà Nghị quyết 48 của Bộ Chính trị đã chỉ ra. Đồng thời pháp luật TTHS cần phải đạt tới sự phù hợp với thực tế của đời sống xã hội, minh bạch, dân chủ trên cơ sở tôn trọng và bảo vệ quyền con người của xã hội dân sự trong điều kiện của NN PQ Việt Nam. Bên cạnh đó cũng cần phải xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt

động của các cơ quan tư pháp phù hợp với mục tiêu, định hướng của chiến lược cải cách tư pháp. Xác định đúng, đủ quyền năng và trách nhiệm pháp lý cho từng cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, đảm bảo cho các cơ quan và những người này thực thi tốt việc bảo vệ quyền con người trong hoạt động tố tụng.

Để bảo vệ quyền con người, trên cơ sở định hướng nêu trên, theo chúng tôi cần hoàn thiện pháp luật TTHS ở những bình diện sau đây:

1. Hoàn thiện các quy định về tổ chức và hoạt động của Tòa án trong tố tụng hình sự trên cơ sở xác định Tòa án là cơ quan trung tâm của hoạt động tố tụng hình sự bảo vệ quyền con người, xử lý nghiêm minh mọi hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

1.1. Đảm bảo nguyên tắc độc lập trong tổ chức và hoạt động của Tòa án

Theo pháp luật hiện hành, Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Quốc hội - Cơ quan quyền lực cao nhất lập ra, chịu sự giám sát và phải báo cáo trước Quốc hội về hoạt động của xét xử của mình trong các kỳ họp của Quốc hội. Quy định này đảm bảo cho sự thống nhất quyền lực trong nhà nước ta, nhưng nó cũng làm ảnh hưởng tới nguyên tắc độc lập của Tòa án trong hoạt động xét xử, làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện

tượng oan, sai trong hoạt động TTHS và những hậu quả tiêu cực khác. Vì vậy, khi nói về vị trí của Tòa án trong hệ thống cơ quan Nhà nước Nghị quyết 48 của Bộ Chính trị đã chỉ ra: *"Trọng tâm là hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, bảo đảm Tòa án xét xử độc lập, đúng pháp luật, kịp thời và nghiêm minh"*. Sự độc lập của Tòa án là yêu cầu quan trọng mang tính quyết định đến việc giải quyết vụ án khách quan, tất cả những yếu tố làm ảnh hưởng đến sự độc lập của toà án đều dẫn đến hiện tượng bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội, xâm phạm quyền con người. Theo chúng tôi, để đảm bảo sự độc lập của Tòa án cần hoàn thiện pháp luật theo những hướng sau:

1) Cần có quy định cụ thể về sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Tòa án với nhận thức nguyên tắc độc lập trong xét xử không mâu thuẫn gì với nguyên tắc quy định tại Điều 4 Hiến pháp năm 1992 về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với hoạt động của các cơ quan Nhà nước cũng như toàn xã hội. Vì, pháp luật thể hiện ý chí, nguyện vọng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thể chế hóa đường lối của Đảng nên việc tuân thủ pháp luật cũng chính là phục tùng sự lãnh đạo của Đảng. Mọi sự can thiệp của các cấp uỷ Đảng vào việc xét xử từng vụ án cụ thể của Hội đồng xét xử đều là sự nhận thức không đúng đắn về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác xét xử của toà án. Tinh thần này phải được bổ sung bằng các quy phạm của Hiến pháp, các luật tổ chức và Bộ luật TTHS. Nghị quyết 49

của Bộ chính trị đã chỉ rõ: *"Đảng lãnh đạo chặt chẽ hoạt động tư pháp và các cơ quan tư pháp về chính trị, tổ chức, cán bộ; khắc phục cấp uỷ đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động tư pháp"*.

2) Cần bổ sung những quy định cụ thể trong Hiến pháp về vị trí độc lập của Tòa án đối với các cơ quan Nhà nước khác như: Tòa án chỉ báo cáo kết quả hoạt động của mình tại các kỳ họp của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tương ứng, ngoài ra các cơ quan, tổ chức khác không được can thiệp vào công việc của Tòa án bằng bất kỳ hình thức nào trong quá trình xét xử của Tòa án....

3) Cần thay đổi cơ chế quản lý đối với Tòa án hiện nay. Không nên để TANDTC quản lý toàn diện các Tòa án địa phương như hiện nay mà nên chuyển việc quản lý Tòa án địa phương cho cơ quan hành pháp mà cụ thể là Bộ tư pháp và các Sở tư pháp địa phương. Sở dĩ phải thay đổi như vậy vì: a) Các Tòa án địa phương sẽ không bị phụ thuộc vào TANDTC và do đó không bị ảnh hưởng, bị áp lực trong quá trình xét xử; b) TANDTC có điều kiện tập trung vào nhiệm vụ giám đốc việc xét xử đối với Tòa án cấp dưới và thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn pháp luật và nghiệp vụ cho toà án cấp dưới. Nghị quyết 48 của Bộ chính trị đã khẳng định. *"Hoàn thiện cơ chế quản lý Tòa án nhân dân địa phương theo hướng đảm bảo tính độc lập giữa các cấp tòa án trong hoạt động xét xử"*.

4) Tại Hiến pháp năm 1992 và Bộ luật TTHS năm 2003 quy định nguyên

tác thực hành hai cấp xét xử. Nguyên tắc này đòi hỏi sự đồng bộ của những quy phạm pháp luật về tổ chức và hoạt động của Tòa án, trong khi đó theo pháp luật hiện hành thì việc tổ chức hệ thống toà án lại theo nguyên tắc lãnh thổ. Khắc phục tình trạng này, Nghị quyết 49 Bộ Chính trị đã nêu ra định hướng "*Tổ chức hệ thống Tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, gồm: Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; toà phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; TANDTC có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm*". Đây là định hướng phù hợp với sự đổi mới kinh tế, xã hội, cải cách pháp luật. Vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền cần thể hoá sớm định hướng nêu trên của Nghị quyết 49 Bộ Chính trị.

5) Nghiên cứu và sớm thay đổi quy định Thẩm phán bổ nhiệm với nhiệm kỳ năm năm bằng cơ chế bổ nhiệm Thẩm phán suốt đời. Quy định này đảm bảo cho Thẩm phán khi xét xử được độc lập vì: a) Thẩm phán không phải xét xử lựa theo ý của người và cơ quan sẽ tái bổ nhiệm họ; b) Các cơ quan và người có thẩm quyền bổ nhiệm Thẩm phán không còn điều kiện can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán; c) Thẩm phán sẽ tích lũy được kinh nghiệm trong hoạt động xét xử.

6) Khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân chỉ tuân theo pháp luật pháp luật. Theo quy định của Luật TTHS, khi xét xử có Hội thẩm tham gia và ngang quyền với Thẩm phán nên đòi hỏi phải bổ sung các quy định cụ thể về sự độc lập giữa các thành viên của Hội đồng xét xử trong việc nghiên cứu hồ sơ, xem xét, đánh giá chứng cứ và đưa ra các kết luận về sự việc phạm tội và người thực hiện tội phạm không bị phụ thuộc vào quan điểm các thành viên khác trong Hội đồng xét xử. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử độc lập và chỉ tuân theo quy định của pháp luật. PLHS và TTHS là chuẩn mực để các thành viên Hội đồng xét xử xem xét đối chiếu với sự việc xảy ra, với hành vi được mang ra xét xử. Trên cơ sở quy định của pháp luật Hội đồng xét xử sẽ đưa ra các phán quyết của mình về sự việc phạm tội và hành vi phạm tội của bị cáo một cách chính xác phù hợp với diễn biến thực tế của vụ án đã xảy ra.

1.2. Đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa và tích cực tạo điều kiện cho việc chuyển đổi hoàn toàn sang tố tụng tranh tụng

Nghị quyết 08 của Bộ chính trị đã có chủ trương tiến hành tranh tụng tại phiên tòa và chủ trương này đã được thể hiện tại Bộ luật TTHS năm 2003. Sau một số năm áp dụng với sự nỗ lực của các cơ quan thi hành tố tụng đã bước đầu mang lại sự minh bạch, dân chủ trong quá trình giải quyết vụ án hình sự góp phần vào việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án hình sự là một thể thống nhất của các giai đoạn tố tụng kế

tiếp nhau nên chỉ có tranh tụng tại phiên tòa thì hiệu quả không cao, trong một số trường hợp việc tranh tụng tại phiên tòa chỉ mang tính hình thức do những điều kiện của tranh tụng ở những giai đoạn tố tụng trước chưa đảm bảo. Vì vậy, quá trình cải cách tư pháp đòi hỏi phải chuyển toàn bộ kiểu tố tụng xét hỏi của chúng ta hiện nay sang kiểu tố tụng tranh tụng thì mới đảm bảo được sự thống nhất trong quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan thi hành tố tụng, khắc phục được tính hình thức của tranh tụng tại phiên tòa. Đồng thời, kiểu tố tụng tranh tụng mang lại hiệu quả cho các cơ quan thi hành tố tụng trong việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, đảm bảo dân chủ, khách quan, công bằng, không làm oan người vô tội, quyền con người được tôn trọng. Tố tụng tranh tụng có ưu việt là ít làm oan người vô tội, các quyền con người được tôn trọng, các cơ quan thi hành tố tụng ít có cơ hội lạm dụng công vụ để xâm hại tới quyền con người. Những đặc điểm ưu việt này của tố tụng tranh tụng phù hợp với điều kiện của xã hội dân sự và NNPQ mà chúng ta đang xây dựng và hướng tới. Với quan điểm này, chúng ta sẽ phải xây dựng lại toàn bộ Bộ luật TTHS năm 2003 vào một thời gian thích hợp mà Nghị quyết 48 định hướng, tạo những tiền đề cần thiết của tố tụng tranh tụng *“Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ, nhưng thuận tiện, đảm bảo sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; đảm bảo chất lượng tranh tụng tại các*

phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại phiên tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án” và Nghị quyết 49 đã chỉ rõ: *“Hoàn thiện các thủ tục tư pháp, đảm bảo tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người”*.

2. Hoàn thiện các quy định về Viện kiểm sát nhằm tăng cường chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng hình sự hướng tới chuyển Viện kiểm sát thành Viện Công tố

Theo pháp luật hiện hành Viện kiểm sát là cơ quan thuộc Quốc hội có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát có trách nhiệm báo cáo hoạt động của mình trước Quốc hội và Hội đồng nhân dân cùng cấp. Bộ luật TTHS năm 2003 đã quy định quyền hạn, trách nhiệm của Viện kiểm sát để thực hiện hai chức năng đó trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Mặc dù vậy, nhưng hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm còn thấp, vẫn để hiện tượng bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, các quyền con người vẫn bị xâm phạm. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về cơ quan viện kiểm sát theo hướng sau đây:

1) Cần nhận thức đúng vị trí, vai trò của cơ quan công tố trong bộ máy Nhà nước, đặc biệt trong điều kiện của Nhà nước XHCN với nguyên tắc Đảng lãnh đạo. Vì vậy, Viện kiểm sát chỉ nên có một

chức năng - đó là chức năng thực hành quyền công tố và bỏ chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật TTHS. Việc quy định chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật TTHS của Viện kiểm sát cần phải loại bỏ vì những lý do sau đây: a) Viện kiểm sát vừa là chủ thể của TTHS thực hành quyền công tố lại vừa có quyền kiểm sát hoạt động xét xử của toà án sẽ dẫn đến việc giải quyết vụ án không khách quan; b) Việc kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án ảnh hưởng tới nguyên tắc độc lập xét xử của toà án; c) Thực tiễn đã chứng minh, đây không phải là cơ chế tốt để bảo vệ quyền con người cũng như mang lại hiệu quả cho việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Nghị quyết 49 của Bộ chính trị đã nêu ra định hướng: *"Nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành Viện Công tố"*. Thực hiện định hướng này cần có sự thay đổi hoàn thiện của Hiến pháp, các Luật tổ chức và Luật tố tụng với các nội dung: a) Viện kiểm sát là cơ quan thực hành quyền công tố không còn chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp và do vậy có thể đổi tên thành *"Viện công tố"*; b) Viện kiểm sát là cơ quan thuộc hệ thống cơ quan hành pháp (Chính phủ) chứ không phải là cơ quan thuộc Quốc hội như hiện nay; c) Quyền hạn trách nhiệm của Viện kiểm sát được quy định trong Luật TTHS chỉ để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát. Đây là sự thay đổi lớn trong tiến trình cải cách tư pháp ở nước ta cần một lộ trình nhất định và đòi hỏi quyết tâm chính trị cao của các cơ quan

lãnh đạo đất nước cũng như sự nỗ lực của các cấp các ngành.

2) Hệ thống tổ chức Viện kiểm sát cũng cần phải được hoàn thiện cho phù hợp với tính chất là một viện công tố và phải phù hợp với hệ thống tổ chức của toà án. Như phần trên đã trình bày hệ thống Tòa án được tổ chức không theo địa giới hành chính mà được tổ chức theo thẩm quyền xem xét, theo đó sẽ có toà án sơ thẩm, phúc thẩm, thượng thẩm và toà án tối cao. Tổ chức của Viện kiểm sát cũng được thiết kế tương ứng. Cụ thể là sẽ có Viện kiểm sát sơ thẩm (khu vực), Viện kiểm sát phúc thẩm, Viện kiểm sát thượng thẩm và viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3) Hoàn thiện pháp luật về mối quan hệ giữa Viện kiểm sát (cơ quan công tố) với cơ quan điều tra theo hướng: a) Viện kiểm sát chỉ đạo mọi hoạt động điều tra và phải chịu trách nhiệm về những hoạt động điều tra; b) Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra; c) Xác định mối quan hệ giữa Viện kiểm sát và cơ quan điều tra là mối quan hệ chỉ đạo của Viện kiểm sát đối với cơ quan điều tra, chứ không phải mối quan hệ phối hợp như hiện nay; d) Tăng cường quyền hạn, trách nhiệm cho Kiểm sát viên để họ thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. đ) Quy định cụ thể về trách nhiệm của kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố trước tòa đặc biệt là trách nhiệm tranh tụng tại phiên tòa.

3. Hoàn thiện pháp luật về Cơ quan điều tra và hoạt động điều tra

Trong hoạt động tố tụng cơ quan điều tra được giao thực hiện chức năng điều tra làm rõ vụ án, làm cơ sở cho việc truy tố, xét xử người phạm tội, vì vậy quyền hạn trách nhiệm của cơ quan điều tra được quy định trong Bộ luật TTHS, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự. Trước yêu cầu của cải cách tư pháp đang đặt ra pháp luật về cơ quan điều tra cũng cần được hoàn thiện cho phù hợp với việc đổi mới của Tòa án và Viện kiểm sát. Việc hoàn thiện pháp luật về cơ quan điều tra theo những định hướng sau:

3.1. Tổ chức lại cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối. Theo Pháp lệnh tổ chức điều tra năm 2004 thì có bốn đầu mối cơ quan điều tra, đó là Cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan điều tra thuộc lực lượng cảnh sát nhân dân, các cơ quan điều tra thuộc lực lượng an ninh nhân dân, các cơ quan điều tra thuộc quân đội nhân dân, ngoài ra còn một số cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra. Hệ thống cơ quan điều tra trước yêu cầu cải cách tư pháp không còn phù hợp vì vậy cần được tổ chức lại theo hướng thu gọn đầu mối, phát huy hiệu quả trong việc phát hiện, điều tra, khám phá tội phạm. Có thể có những phương án khác nhau, nhưng theo chúng tôi nên thành lập một cơ quan điều tra thống nhất mang tính chất quốc gia đặt dưới sự quản lý trực tiếp của Chính phủ. Cơ sở của phương án này là: 1) Việc điều tra khám phá tội phạm xuất từ yêu cầu của quá trình quản lý nhà nước, thuộc hành

pháp 2) Tránh được sự chồng chéo về thẩm quyền của các cơ quan điều tra như hiện nay; 3) Phù hợp với việc đổi mới của Viện Kiểm sát và Tòa án theo Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị.

3.2. Khẳng định vị trí của cơ quan điều tra trong tố tụng hình sự thuộc phạm vi của việc thực hiện quyền công tố làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật về mối quan hệ với Viện kiểm sát (đã trình bày ở phần nói về Viện kiểm sát).

3.3. Hoàn thiện các quy định để xác định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan điều tra trong mối quan hệ với các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra. Mối quan hệ này cần theo định hướng: Cơ quan điều tra chuyên trách điều tra tất cả các tội phạm, các vụ án, các cơ quan khác chỉ điều tra sơ bộ và tiến hành một số hoạt động điều tra theo yêu cầu của Cơ quan điều tra chuyên trách.

4. Hoàn thiện pháp luật về biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự đảm bảo mục đích ngăn chặn tội phạm và tôn trọng quyền con người

Biện pháp ngăn chặn trong TTHS là hết sức cần thiết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng nhưng nó cũng động chạm đến những quyền thiết thân của con người như: quyền tự do đi lại, quyền tự do thân thể... Vì vậy, Nghị quyết 49 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: "*Xác định rõ căn cứ tạm giam giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng biện*

pháp tạm giam". Định hướng này phù hợp với xu thế mở rộng dân chủ tôn trọng quyền con người trọng hoạt động TTTHS. Theo chúng tôi, hoàn thiện các biện pháp ngăn chặn trong TTTHS theo định hướng sau đây:

4.1. Theo pháp luật hiện hành một trong những mục đích của các biện pháp ngăn chặn là tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan THTT trong quá trình giải quyết vụ án. Việc quy định mục đích này của biện pháp ngăn chặn trong TTTHS đã bộc lộ một số hạn chế là: 1) Các cơ quan thi hành tố tụng lấy việc áp dụng biện pháp ngăn chặn làm biện pháp điều tra khám phá tội phạm; 2) Là điều kiện để các cơ quan thi hành tố tụng không tích cực trong quá trình giải quyết vụ án; 3) Là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc vi phạm quyền con người. Vì vậy, theo chúng tôi Bộ luật TTTHS chỉ nên quy định mục đích của biện pháp ngăn chặn là: Ngăn chặn tội phạm.

4.2. Hạn chế phạm vi áp dụng các biện pháp ngăn chặn có tính chất nghiêm khắc như: Tạm giữ, tạm giam. Biện pháp tạm giữ, tạm giam trong TTTHS thực chất là biện pháp tước bỏ quyền tự do thân thể của người bị áp dụng nên việc áp dụng nó phải tính toán và trong trường hợp đặc biệt cần thiết. Vì vậy, cần hoàn thiện quy định về biện pháp này với những nội dung sau: 1) Quy định căn cứ áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam rõ ràng, theo hướng hạn chế áp dụng; 2) Chỉ quy định cho một số ít người được quyết định áp dụng biện pháp này Như: Chánh án, Viện trưởng Viện kiểm sát các cấp, không nên quy định người có thẩm quyền của cơ quan

điều tra được áp dụng biện pháp này như hiện nay; 3) Thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam cần được quy định rút ngắn (từ 1/2 đến 1/3) so với mức như qui định hiện nay.

4.3. Quy định thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn chặt chẽ, cụ thể tránh sự lạm dụng và tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước, tổ chức và nhân dân giám sát chặt chẽ việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

5. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về bổ trợ tư pháp đặc biệt là pháp luật về luật sư

Các chế định về bổ trợ tư pháp có ý nghĩa quan trọng góp phần giải quyết vụ án khách quan, công bằng đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên các chế định về bổ trợ tư pháp ở nước ta hiện chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Vì vậy, cần hoàn thiện các chế định này với những nội dung sau: 1) Xác định rõ vị trí và quyền hạn trách nhiệm của Cơ quan và cán bộ bổ trợ tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án; 2) Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữ cơ quan THTT với cơ quan bổ trợ tư pháp theo hướng các cơ quan THTT tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động bổ trợ tư pháp được tiến hành nhất là đối với luật sư; 3) Quy định chặt chẽ, cụ thể căn cứ, thủ tục tham gia giải quyết vụ án của các hoạt động bổ trợ tư pháp tránh bị lợi dụng.

Trên đây là một số nội dung chính của việc hoàn thiện Luật TTTHS bảo vệ quyền con người trong điều kiện xây dựng NNQP Việt Nam, xây dựng xã hội dân sự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.. Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1988.
- 2.. Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2003.
- 3.. Chu Hồng Thanh, *Tìm hiểu về nhân quyền trong thế giới hiện đại*, NXB Lao động, Hà Nội, 1996.
- 4.. Lê Cẩm, Nguyễn Ngọc Chí, Trịnh Quốc Toàn (đồng chủ trì), *Bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
- 5.. Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XXII, N_o4, 2006

PERFECTING LAW ON CRIMINAL PROCEDURES IN CONTRIBUTING TO PROTECT HUMAN RIGHTS IN THE STAGE OF BUILDING THE SOCIALIST RULE OF LAW

Dr. Nguyen Ngoc Chi

*Faculty of Law,
Vietnam National University, Hanoi*

Basing on researching legal criteria, the author showed some solutions to perfect law on Criminal procedures in contributing to protect human rights in the stage of building the socialist Rule of Law.